TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẮC GIANG** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 04/2025/QĐST-KDTM	*Bắc Giang, ngày 27 tháng 02 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 17/02/2025 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 41/2024/TLST-KDTM ngày 05 tháng 12 năm 2024 về "*Tranh chấp hợp đồng thuê tài chính*".

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Công ty C1.

Địa chỉ: Tầng I, 26, 27, 28, 29, Cao ốc S, số C, T, phường B, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện: Ông C, Y – C – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Minh B – Phó phòng thu hồi công nợ.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Quốc Đ – Chuyên viên phòng xử nợ.

Địa chỉ: Tầng B, tòa nhà C, lô H P, phường M, quận N, thành phố Hà Nội.

***Bị đơn:** Công ty TNHH T.

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1979 – chức vụ: Chủ tịch hội đồng thành viên kiêm giám đốc.

Địa chỉ: Số C, ngách C, ngõ B, G, D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

- Bà Nguyễn Thị L – Sinh năm: 1979.

Chỗ ở hiện tại: Số nhà C, ngách C, ngõ B đường G, phường D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

- Ông Ngụy Quang H - Sinh năm: 1978

Hộ khẩu thường trú: Tổ G, phường D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

- Ông Nguyễn Văn L1 - Sinh năm: 1987

Hộ khẩu thường trú: Phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh.

Đại diện theo ủy quyền của ông Ngụy Quang H, ông Nguyễn Văn L1 là bà Nguyễn Thị L – Sinh năm: 1979.

Chỗ ở hiện tại: Số nhà C, ngách C, ngõ B đường G, phường D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về nghĩa vụ trả nợ:

Công ty C1 và Công ty TNHH T, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thống nhất thỏa thuận: Công ty TNHH T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Công ty C1 toàn bộ tiền gốc và số tiền lãi tạm tính đến ngày 17/02/2025 đối với theo theo hợp đồng cho thuê tài chính số B220508611 ngày 19/5/2022 phải trả tổng số tiền là 581.892.961 đồng. Cụ thể như sau: Số tiền nợ gốc: 471.068.767 đồng; tiền lãi: 110.830.194 đồng; Công ty TNHH T xin trả theo phân kỳ cụ thể như sau:

- Ngày 05/3/2025: công ty TNHH T trả cho Công ty C1 số tiền 40.000.000 đồng tiền gốc.
- Ngày 05/4/2025: công ty TNHH T trả cho Công ty C1 số tiền 40.000.000 đồng tiền gốc.
- Ngày 05/5/2025: công ty TNHH T trả cho Công ty C1 số tiền 40.000.000 đồng tiền gốc.
- Ngày 05/6/2025: công ty TNHH T trả cho Công ty C1 số tiền 50.000.000 đồng tiền gốc.
- Ngày 05/7/2025: công ty TNHH T trả cho Công ty C1 số tiền 75.000.000 đồng tiền gốc.
- Ngày 05/8/2025: công ty TNHH T trả cho Công ty C1 số tiền 75.000.000 đồng tiền gốc.
- Ngày 05/9/2025: công ty TNHH T trả cho Công ty C1 số tiền 75.000.000 đồng tiền gốc.
- Ngày 05/10/2025: công ty TNHH T trả cho Công ty C1 số tiền 76.068.767

đồng tiền gốc và số tiền lãi tính đến ngày 17/02/2025 là 110.830.194 đồng và toàn bộ tiền lãi phát sinh liên quan đến khoản nợ kể từ ngày 18/02/2025 theo hợp đồng cho thuê tài chính số B220508611 ngày 19/5/2022.

Kể từ ngày 18/02/2025, công ty TNHH T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Theo hợp đồng cho thuê tài chính số B220508611 ngày 19/5/2022 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Trường hợp: công ty TNHH T vi phạm bất kỳ một thời hạn trả nợ nào như thỏa thuận trên thì Công ty C1 có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền thu hồi toàn bộ tiền nợ gốc, nợ lãi còn lại mà công ty TNHH T chưa thanh toán.

2. 2. Xử lý tài sản bảo đảm:

Trường hợp công ty TNHH T vi phạm bất kỳ một thời hạn trả nợ nào như thỏa thuận, Công ty C1 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền:

+ Tiến hành thu hồi và hoàn trả cho Công ty C1 tài sản thuê là: 01 xe ô tô tải (thùng kín) nhãn hiệu MITSUBISHI FUSO; model: FA 140L FA11A43R140-K11, Biển số: 98H-024.81 chủ sở hữu là Công ty C1 tài sản thuê theo hợp đồng thuê tài chính số B220508611 ngày 19/5/2022 mục đích để công ty cho thuê T1 và cấn trừ vào số tiền công ty TNHH T còn nợ.

+ Tiến hành thu hồi và phát mại tài sản thế chấp là 01 xe ô tô con nhãn hiệu MITSUBISHI; model ATTRAGE; Biển số 98A-215.62 chủ sở hữu công ty TNHH T theo hợp đồng thế chấp số B220508611-MA ngày 19/5/2022 và các hợp đồng tu chỉnh hợp đồng thế chấp kèm theo. Số tiền thu hồi từ việc phát mại được sử dụng để cấn trừ vào số tiền công ty TNHH T còn nợ.

Trong trường hợp số tiền thu được từ việc thanh lý tài sản thuê và phát mại tài sản thế chấp không đủ trả nợ số nợ của công ty TNHH T thì công ty T tiếp tục thanh toán.

Trong trường hợp công ty TNHH T không hoàn thành nghĩa vụ thanh toán của mình hoặc không hoàn trả/ bàn giao cho Công ty C1 Tài sản thuê, Tài sản thế chấp: Buộc ông Ngụy Quang H, bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn L1 có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Công ty C1 đầy đủ số tiền Theo hợp đồng cho thuê tài chính số B220508611 ngày 19/5/2022 theo thư bảo lãnh cá nhân ngày 19/5/2022.

3. Về án phí: Công ty TNHH T phải chịu toàn bộ án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm **13.637.800** đồng (Mười ba triệu sáu trăm ba mươi bẩy nghìn tám trăm đồng)

Hoàn trả cho Công ty C1 số tiền 13.000.000 đồng (Mười ba triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002183 ngày 29/11/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục THADS TP Bắc Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Dương Đình Hưng